

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/9/2023.  
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Lê Văn Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Thảo và ông Phan Văn Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 12/9/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 23/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn không cùng chung quan điểm sống là về kinh tế (tiền bạc) trong gia đình, dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc, không thể chia sẻ cùng nhau, tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Nay cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không còn nữa, vợ chồng sống đã ly thân nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay đã cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị T nhận thấy tình cảm

giữa vợ chồng không còn nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với Võ Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Văn T trình bày tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa:*

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống, làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, sống hòa thuận đến ngày 06/11/2022 thì chị T chuyển đồ đi nơi khác không chung sống với anh T nữa. Lý do vợ chồng không có mâu thuẫn gì, mặc dầu đã sống ly thân nhau từ ngày 06/11/2022 đến nay nhưng anh T mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh T không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn anh Võ Văn T có đề nghị, xử lý về việc chị Lê Thị T có lấy của anh T số tiền mặt 10.500.000đ và rút tiền trong thẻ Vietcombank số tiền 7.100.000đ, tổng số tiền đã lấy là 17.600.000đ và đề nghị các cơ quan pháp luật phải xử lý nghiêm minh về hành vi lừa đảo đối với chị Lê Thị T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên tự thỏa thuận thống nhất với nhau, nhưng chị T và anh T không thể không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Văn T có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[1.2] Bị đơn anh Võ Văn T đã biết được Tòa án thụ lý vụ án, có mặt tại Tòa án để lấy lời khai, Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên đương sự đoàn tụ nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau, vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 14/4/2022 nên xác

định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là không cùng chung quan điểm sống về tài chính, kinh tế trong gia đình dẫn đến vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau, bất đồng về lối sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm, sống ly thân nhau, cắt đứt mối quan hệ tình cảm. Anh T có mong muốn chị T quay trở về đoàn tụ, nhưng chị T không nhất trí, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã khuyên giải và hòa giải để vợ chồng quay trở về đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng không còn quan T chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị T làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn anh Võ Văn T có đề nghị các cơ quan pháp luật xử lý nghiêm minh về vi lừa đảo đối với chị Lê Thị T đã lấy số tiền mặt và rút trong thẻ ngân hàng của anh T với tổng số tiền 17.600.000đ, đề nghị này không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007924 ngày 05/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Phú**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Tiến**

**Nguyễn Quốc Thảo**

**Lê Văn Phú**